TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1709/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thanh Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Tốt
2. Ông Nguyễn Văn Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hà- Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1287/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 391/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương A Q, sinh năm: 1965 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: .., Khu phố B, phường T, Quận I, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: nhà không số, phường TT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2018, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn ông Trương A Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương A Q và bà Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số .. do UBND Phường .., quận .., Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ….

Sau khi đăng ký kết hôn ông bà về chung sống tại nhà không số, phường TT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn hai vợ chồng thường xuyên cải vả nhau, không còn tôn trọng quan tâm yêu thương nhau nên đã ly thân từ tháng 04/2008 cho đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tôi muốn được tự do, ổn định cuộc sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Trần Thị T.

- Về con chung: Ông Trương A Q và bà Trần Thị T có 02 con chung tên là Trương A , sinh ngày … và Trương H, sinh ngày …. Các con chung đã trường thành và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Trần Thị T: Tòa án nhân dân Quận 12 đã nhiều lần triệu tập lên làm việc và để tham gia các phiên hòa giải, cũng như xét xử vụ án nhưng bà Trần Thị T đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà T, và vụ án không tiến hành hòa giải được phải được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.
- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu cầu của nguyên đơn cụ thể: Ông Trương A Q được ly hôn đối với bà Trần Thị T; về 02 con chung tên là Trương A , sinh ngày … và Trương H, sinh ngày …. đã trường thành và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trương A Q yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị T nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn. Bà T hiện đang cư ngụ tại tại Quận 12, do đó căn cứ vào các điểm khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn ngày 01/11/2018 đề nghị Tòa ám xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, 02 lần Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trương A Q và bà Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày .. tại UBND Phường .., quận .., Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là hôn nhân hợp pháp được xem xét bảo vệ theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình.

Ông Trương A Q trình bày nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là trong quá trình chung sống ông và bà T không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2008 đến nay. Nay ông Q cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà T. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T để ghi nhận ý kiến và tiến hành hòa giải cho các bên nhưng bà T không đến, không có lý do, như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy bà T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa 02 vợ chồng, không có văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng duy trì quan hệ hôn nhân hoặc phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn thì xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ pháp luật bảo vệ.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q tại Ủy ban nhân dân phường TT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có kết quả xác minh "Ông Trương A Q và bà Trần Thị T đã không còn chung sống khoảng hơn 10 (mười) năm nay"

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định lời trình bày của ông Q về mâu thuẫn xảy ra trong đời sống vợ chồng là có thật, bà T và ông Q không còn sống chung, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã lâu nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án nhân dân Quận 12 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Q, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 và đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, phù hợp với quy định của

pháp luật tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án tuyên bố chấp nhận cho ông Trương A Q được ly hôn với bà Trần Thị T .

- Về con chung: Có 02 con chung là Trương A , sinh ngày … và Trương H, sinh ngày …. Do các con chung đã trưởng thành nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: do ông Q không có yêu cầu, bị đơn bà T vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[4]. Về án phí: Ông Trương A Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 14, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 53, 56, 57, 58, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Trương A Q.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương A Q được ly hôn với bà Trần Thị T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì Giấy chứng nhận kết hôn .. do UBND Phường .., quận .., Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày …. không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: Ông Trương A Q và bà Trần Thị T có 02 con chung là Trương A , sinh ngày … và Trương H, sinh ngày …..

Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí:

Ông Trương A Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002740 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trương A Q đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp pháp bản án này. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND UBND Phường ..., quận …, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thanh Hùng